TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **302**/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Bà Lưu Thị Thuỷ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc số 1508/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5775/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Hồng N, sinh năm 1969

Địa chỉ: 359 Đường T, khu phố M, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H – Luật sư Văn phòng luật sư H1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Liêu Tấn P, sinh năm 1968

Địa chỉ: 359 Đường T, khu phố M, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thái L – Luật sư Văn phòng Luật sư L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Liêu Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lê Hồng N trình bày:

Bà và ông Liêu Tấn P chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/1993. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, càng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Vào năm 2009, bà phát hiện ông P có quan hệ tình cảm bên ngoài với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn, cả hai đã không còn yêu thương lẫn nhau. Năm 2018, bà đã khởi kiện ly hôn, sau đó vì muốn hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc nên đã rút đơn theo Quyết định đình chỉ số 1692/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2018, nhưng kết quả hàn gắn không thành, vì ông P vẫn không chịu thay đổi dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết được. Vợ chồng tuy ở chung nhà nhưng đã ly thân bốn năm nay, hiện nay bà đã quá mệt mỏi, nhận thấy tình cảm giữa bà và ông P không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P để hai bên rõ ràng về pháp lý. Về con chung, bà N và ông P có chung hai người con tên Liêu Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/01/1995 và Liêu Tấn A, sinh ngày 14/01/1999; hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung, bà N yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì bà xác định hai bên không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Liêu Tấn P trình bày:

Ông thừa nhận khoảng năm 2009, ông có quan hệ tình cảm bên ngoài với một người phụ nữ khác nhưng mối quan hệ này đã chấm dứt từ lâu, ông đã không còn qua lại với người phụ nữ này và một lòng thương yêu bà N và các con. Sau thời điểm bà N rút đơn lần đầu vào năm 2018 thì vợ chồng về sống chung rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông phát hiện bà N qua lại với người đàn ông khác. Ông đã yêu cầu bà N chấm dứt quan hệ với người này. Tuy nhiên, bà N vẫn tiếp tục gặp gỡ và nhiều lần người đàn ông này vẫn nhắn tin cho bà N với những lời lẽ yêu đương nhớ nhung, ông có chụp những hình ảnh tin nhắn và đã gửi cho Tòa, đề nghị Tòa án xem xét. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương yêu vợ con, không muốn gia đình tan vỡ và xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung, cả hai có chung hai người con tên Liêu Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/01/1995 và Liêu Tấn A, sinh ngày 14/01/1999 hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung, trường hợp bà N cương quyết ly hôn, thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Về nợ chung thì ông xác định hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ các Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Thi hành án

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hồng N được ly hôn với ông Liêu Tấn P. Giấy chứng nhận kết hôn số 13 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/1993 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà N và ông P có hai người con tên Liêu Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/01/1995 và Liêu Tấn A, sinh ngày 14/01/1999; hiện các con đã trưởng thành muốn ở với cha hay mẹ thì tùy.

- Về tài sản chung: Bà N và ông P không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà N và ông P khai nhận, hai bên không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065483 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/2/2022, bị đơn ông Liêu Tấn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do vi phạm tố tụng nghiêm trọng trong việc cấp tống đạt văn bản, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bà Lê Hồng N đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Liêu Tấn P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyện vọng duy nhất của ông tại phiên toà hôm nay là được hàn gắn hạnh phúc gia đình, không ly hôn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Trung H trình bày:

Ông P đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập con cái với lý do ông P cho rằng con cái xúi giục cha mẹ ly hôn, ông P đã ngoại tình và đã có con riêng, bà N đã tạo điều kiện cho ông P để thay đổi, sửa chữa sai lầm của mình nhưng ông P không thực hiện, bà N đã từng nộp đơn ly hôn năm 2018 và sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho ông P quan tâm, chăm sóc gia đình hơn nhưng ông P không thực hiện. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, bà N luôn cảm thấy áp lực, không được tôn trọng nên tha thiết xin được ly hôn với ông P, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác đơn kháng cáo của ông P.

Bị đơn ông P trình bày: Sai lầm con người ai cũng có, quan trọng là đã xảy ra trong quá khứ, bản thân ông vẫn quan tâm chăm sóc bà N lúc ốm đau bệnh

tật, sẽ cố gắng tạo niềm tin nơi bà N, tha thiết đề nghị bà N cho thời gian một năm để cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc theo quy định pháp luật và phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Liêu Tấn P còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Bà N nộp đơn xin được ly hôn với ông P do tình cảm không còn, mẫu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay con cái đã trưởng thành nên bà cương quyết xin được ly hôn với ông P, phía ông P cho rằng còn tình cảm với bà N nhưng không có phương án hay sự thống nhất cùng bà N để hàn gắn cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy hôn nhân là tự nguyện, phía ông P rất muốn đoàn tụ gia đình nhưng phía bà N không đồng ý, hạnh phúc gia đình phải dựa trên cơ sở yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, nay tình cảm vợ chồng của ông P, bà N đã lạnh nhạt, cả hai đã ly thân một thời gian, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Liêu Tấn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông P làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông P:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông P làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có kháng cáo đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Liêu Tấn P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời trình bày của ông P thừa nhận trong quá khứ ông có phạm sai lầm khi có tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng với người này nhưng hiện nay ông không còn cho đứa trẻ này xuất hiện thường xuyên trong gia đình của ông như trước kia nữa và sẽ cố gắng tạo niềm tin nơi bà N để hàn gắn hạnh phúc gia đình; về phía bà N trình bày: Tuy sự việc xảy ra đã khá lâu nhưng trước đây vì sĩ diện của bản thân và gia đình, vì con cái còn nhỏ nên bà đã cố gắng chịu dựng nhưng đến nay thì sự tổn thương đó vẫn còn nguyên và đứa trẻ con riêng

của ông P mỗi ngày một lớn thì bà càng thêm quyết tâm ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là tự nguyện, là mong muốn, ý chí xây dựng gia đình, gắn bó cùng nhau từ hai phía. Tuy nhiên khi mâu thuẫn xảy ra hai bên đã không cùng ngồi lại với nhau để đưa ra phương án tốt nhất nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân của mình. Phía ông P tự nhận là người có lỗi trong cuộc hôn nhân nhưng chính ông cũng không thực hiện được biện pháp gì để tạo niềm tin nơi bà N nhằm hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Xét mục đích của hôn nhân là tình nghĩa vợ chồng, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ vợ chồng, chung thuỷ, tôn trọng nhau, nay bà N xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn nữa, bà luôn cảm thấy ngột ngạt trong cuộc hôn nhân này, tha thiết xin được ly hôn với ông P để sớm ổn dịnh cuộc sống nên yêu cầu kháng cáo xin được hàn gắn, đoàn tụ của ông P đối với bà N là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông P không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Liêu Tấn P.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hồng N được ly hôn ông Liêu Tấn P. Giấy chứng nhận kết hôn số 13 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/1993 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà N và ông P có hai người con tên Liêu Ngọc Thảo V, sinh ngày 09/01/1995 và Liêu Tấn A, sinh ngày 14/01/1999; hiện các con đã trưởng thành muốn ở với cha hay mẹ thì tùy.

- Về tài sản chung: Bà N và ông P không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà N và ông P khai nhận, hai bên không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065483 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Liêu Tấn P chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0033408 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận B, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B, TP.HCM;
- UBND Phường I, Quận S, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.(Linh/12b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan **Lưu Thị Thủy Tiên** **Hoàng Thị Bích Duyên**